

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/11/2019
Về việc: Hôn nhân gia đình.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Phạm Hồng Thiêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên Tòa số 48/2019/QĐ – HPT ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị X, sinh năm 19xx

Bị đơn: Anh Bùi Tiến T, sinh năm 19xx

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị X, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị X trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Tiến T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Thái Thụy vào ngày 11 tháng 10 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa chị và mẹ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể dung hòa. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa, khi về anh T không những không hòa giải được mâu thuẫn của hai mẹ con mà giữa hai vợ chồng còn xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Anh T đánh chị nhiều lần nhưng không để lại thương tích và chị không báo chính quyền địa phương. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Sau đó được gia đình hòa giải về với nhau. Lần gần nhất chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 8 năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trước và sau khi gửi đơn xin ly hôn, chị đã được gia đình, đoàn thể và Tòa án nhiều lần hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị giữ nguyên quan điểm ly hôn anh Bùi Tiến T.

* Về quan hệ con cái : Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 07/01/2012 và Bùi Mạnh H, sinh ngày 24/10/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Bùi Thị Hải Y và đề nghị Tòa án giao con Bùi Mạnh H cho anh T nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Tiến T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng cả hai lần anh T không đến tham gia tố tụng tại phiên Tòa. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, anh T trình bày: Anh và chị Đinh Thị X kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào ngày 11 tháng 10 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh không nảy sinh mâu thuẫn gì lớn. Mâu thuẫn chủ yếu là do anh thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng có phần không được như trước và khi anh đi làm ở nhà giữa chị X và mẹ đẻ anh nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng, anh đã nhiều lần phải đứng ra hòa giải. Có lần giữa 02 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, trong lúc tức giận anh có tát chị X nhưng sau đó vợ chồng đã làm lành. Đến ngày 24/8/2019, khi anh đang đi làm xa thì ở nhà giữa chị X và mẹ anh tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn, chị X bỏ về nhà mẹ đẻ và gửi đơn xin ly hôn anh. Sau khi biết chị X có đơn xin ly hôn, anh đã nhiều lần gặp chị X để thuyết phục vợ về đoàn tụ nhưng chị X vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh. Quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

* Về quan hệ con cái: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị X đã trình bày. Anh không muốn các con mỗi đứa một nơi, anh muốn vợ chồng đoàn tụ nên không thể hiện quan điểm về con chung.

* Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/10/2019 UBND xã T1 cung cấp: Chị X và anh T đều là công dân của xã T1. Anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã. Sau khi biết giữa vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, đại diện chính quyền thôn và các đoàn thể đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị X vẫn kiên quyết xin ly hôn. Về con chung: Địa phương xác nhận vợ chồng anh T, chị X có hai con chung như anh chị đã trình bày. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết đơn xin ly hôn của chị X theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị X trong quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt vì vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt anh T và không nhận xét về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử cho chị X được ly hôn anh T. Sau khi ly hôn, chấp nhận nguyện vọng của chị X giao con Bùi Thị Hải Y cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và giao con nhỏ Bùi Mạnh H cho T nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi

con chung cho nhau. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, các bên có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Tiến T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Tiến T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị X và anh Bùi Tiến T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/10/2010 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì thấy mâu thuẫn ban đầu phát sinh giữa mẹ chồng và nàng dâu, sau đó do anh T thường xuyên đi làm ăn xa, khi về không hòa giải được mâu thuẫn, khiến hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Trong thời gian vợ chồng anh chị sống ly thân khoảng 4 tháng nay, gia đình, chính quyền đoàn thể và Tòa án đều đã nhiều lần hòa giải nhưng chị X vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh T mặc dù muốn được đoàn tụ, nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh T cố tình không tham gia tố tụng tại phiên Tòa, thể hiện anh không còn thiện chí và thiết tha gì với việc đoàn tụ với chị X. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị X ly hôn đối với anh T.

[3]. Về quan hệ con cái: Vợ chồng anh chị đều xác định có 02 con chung là Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 07/01/2012 và Bùi Mạnh H, sinh ngày 24/10/2013. Sau khi ly hôn, chị X có nguyện vọng nuôi con Bùi Thị Hải Y và giao con Bùi Mạnh H cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không muốn hai con phải chia cách và không thể hiện quan điểm. Tại đơn đề nghị ngày 08/10/2019, cháu Y có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, nếu giao hai con chung cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gây nhiều khó khăn trong công việc, sinh hoạt. Mặt khác, anh T và chị X đều là công dân của xã T1, trường hợp mỗi người nuôi một con chung thì các cháu vẫn có thể thường xuyên được gặp nhau. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần chấp nhận nguyện vọng của chị X và cháu Y giao cháu Y cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản do vậy Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết về tài sản.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Đinh Thị X phải chịu án phí ly hôn và các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị X được ly hôn anh Bùi Tiến T.

2. Về con chung: Chị Đinh Thị X và anh Bùi Tiến T có 02 con chung là Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 07/01/2012 và Bùi Mạnh H, sinh ngày 24/10/2013. Giao Bùi Thị Hải Y cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và giao Bùi Mạnh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X, anh T đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Đinh Thị X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001962 ngày 11/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo Bản án: Chị Đinh Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Bùi Tiến T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy;
- UBND xã T1.
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương